

Bản án số: **08/2018/DS-ST**
Ngày: 05/02/2018
“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Thành Long.

Bà Võ Hân Hoan.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Thạch Thị Diễm Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm tham gia phiên tòa:*** Ông Giang Tân Sỹ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 155/2017/TLST-DS, ngày 28 tháng 11 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐXXST-DS ngày 08/01/2018, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1960 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 209, khóm V, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Bị đơn:*** Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1984 (Có mặt).

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1984 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 216, ấp VP, xã VQ, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Nguyên đơn bà Trần Thị Đ trình bày:**

Vào ngày 20/7/2015 âm lịch, bà Nguyễn Thị H có làm tờ biên nhận nợ bà số tiền 115.000.000đ (Một trăm mười lăm triệu đồng). Hai bên thỏa thuận bà H sẽ trả cho bà mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) tính từ ngày 20/7/2015 âm lịch cho đến khi dứt nợ. Việc thỏa thuận và làm biên nhận có sự chứng kiến của Tổ hòa giải ấp VP, xã VQ là ông Hà Văn Đ, ông Hồ Hà Gi, ông Nguyễn Văn Tr. Nhưng từ đó đến nay bà H chỉ trả cho bà được 01 lần với số tiền 750.000 đồng (Bảy trăm năm chục ngàn đồng). Bà có đến nhà bà H đòi nhiều lần nhưng bà H hứa mà cũng không chịu trả tiền cho bà. Việc bà H mượn tiền bà thì chồng bà H là ông Nguyễn Văn M cũng biết sự việc này. Nay bà yêu cầu bà Nguyễn Thị H cùng chồng là ông Nguyễn Văn M trả cho bà số tiền còn thiếu 114.250.000đ (Một trăm mười bốn triệu, hai trăm năm chục ngàn đồng) và không yêu cầu tính lãi.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà thừa nhận có ký nhận nợ bà Đ số tiền 115.000.000đ (Một trăm mười lăm triệu đồng), tờ biên nhận ngày 20/7/2015 âm lịch là do bà ký. Trước đây khi hòa giải ở ấp bà cũng có hứa trả cho bà Đ mỗi tháng 1.000.000đ nhưng bà có trả cho bà Đ 750.000đ và 01 tháng sau đưa cho ông Hà Văn Đ trả cho bà Đ số tiền 1.000.000đ. Số tiền bà đưa cho ông Đ thì bà sẽ làm việc lại với ông Đ, nhưng trong vụ án này bà không có yêu cầu gì. Số tiền bà ký nhận nợ bà Đ thì bà đồng ý trả nhưng bà không có khả năng trả 01 lần, bà xin trả dần cho bà Đ mỗi tháng 800.000đ (Tám trăm ngàn đồng) nhưng bà sẽ bắt đầu trả từ 02/2018 âm lịch cho đến khi dứt nợ. Việc bà thiếu nợ bà Đ thì chồng bà biết nhưng không biết thiếu nhiều như vậy. Số tiền bà mượn của bà Đ thì bà dùng vào việc sinh hoạt trong gia đình và nuôi heo bị lỗ.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa và quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Nguyễn Thị H cùng chồng là ông Nguyễn Văn M trả cho bà Đ số tiền 114.250.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên Tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi tòa án thụ lý vụ án có tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án số 353/TB-TLVA ngày 28 tháng 11 năm 2017 cùng các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện cho bà H, ông M. Nhưng bà H, ông M không cung cấp các tài liệu chứng cứ nào khác nên HĐXX căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ

sơ vụ án để xem xét, giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn M vắng mặt nhưng ông M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông M.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Trần Thị Đ khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn M trả cho bà số tiền còn nợ là 114.250.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Bà Đ cung cấp cho Tòa án tờ “Biên nhận ngày 20/7/2015 âm lịch” có chữ ký của bà Nguyễn Thị H. Tại phiên tòa, bà H cũng thừa nhận chữ ký trong tờ biên nhận là của bà, số tiền này bà đã ký nhận thì bà đồng ý trả nhưng hiện nay bà đang gặp khó khăn nên bà yêu cầu mỗi tháng trả dần cho bà Đ 800.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Bà Đ không đồng ý cho bà H trả dần mà yêu cầu bà H trả một lần vì trước đây bà H có hứa trả dần cho bà mỗi tháng 1.000.000 đồng nhưng chỉ trả được số tiền 750.000 đồng, do đó yêu cầu trả dần của bà H không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận, việc thỏa thuận trả dần các bên có thể thỏa thuận trong giai đoạn thi hành án. Tại phiên tòa, bà H thừa nhận số tiền bà mượn bà Đ về phục vụ nhu cầu sinh hoạt chung trong gia đình như nuôi heo, nuôi gà bị thua lỗ và chồng bà là ông M cũng biết bà vay tiền bà Đ nhưng không biết thiếu nhiều như vậy. Do đó, việc bà Đ yêu cầu bà H và ông M cùng có trách nhiệm trả cho bà số tiền 114.250.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 27; khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điều 471; Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Ý kiến của đại viện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, hiện nay bà H, ông M thuộc diện hộ nghèo đã được UBND xã Vĩnh Quới xác nhận. Do đó, căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử miễn nộp tiền án phí sơ thẩm cho bà H và ông M.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 27 và khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 471; 474 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn M cùng có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị Đ số tiền 114.250.000đ (Một trăm mười bốn triệu, hai trăm năm chục ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 10%/năm theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn M không phải chịu.

Bà Trần Thị Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại bà Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.856.000đ (*Hai triệu, tám trăm năm mươi sáu ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008125, ngày 28/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

3/ Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thành Long Võ Hân Hoan

Trương Anh Tuấn

- **Nơi nhận:**

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- T.H.A dân sự TX Ngã Năm;
- TAND tỉnh ST;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Anh Tuấn